V-SERIES SERVER CABINET

TỦ CHỨA MÁY CHỦ DÒNG V

ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN

- Khung tủ NonaEdge™ gấp nhiều cạnh, tăng cao khả năng chịu lực và chống vặn xoắn.
- Kết cấu Modular-grid từng thành phần kết nối đa điểm, giúp kết cấu tủ vững chắc nhưng vẫn dễ dàng tùy biến, tháo lắp và di chuyển.
- Cửa trước được thiết kế nguyên cánh với mặt cong hình vòm, được đột lỗ dạng lưới cửa tạo tính thẩm mỹ và tăng độ cứng cáp của cửa.
- Cửa sau gồm hai cánh mở sang hai bên giúp giảm không gian yêu cầu để lắp đặt và thao tác phía sau tủ.
- Các thanh treo thiết bị được thiết kế đặc biệt, chịu lực cao, dễ dàng tùy chỉnh nhanh độ sâu phù hợp với thiết bị. Ngoài ra, từng U còn được in các chỉ số theo thứ tự và dập dấu mép giúp nhanh chóng nhận diện và lắp đặt thiết bị đúng vị trí.
- Tích hợp sẵn giá treo thanh phân phối nguồn điện (PDU) và cố định cáp ở phía sau tủ, thuận tiện cho việc cung cấp nguồn điện cho thiết bị mà không cần phải tốn thêm U nào của tủ, giúp tăng thêm mật độ thiết bị.
- Cửa trước và sau được đột lỗ lục giác tạo lưới với độ thông thoáng thực theo công thức chuẩn đạt trên 72%.
- Nắp hông được thiết kế thành hai phần trên dưới như nhau (tủ cao trên 27U), được trang bị sẵn ổ khóa ở giữa giúp quá trình tháo lắp và di chuyển thuận tiện và dễ dàng hơn.
- Đường cáp vào được bố trí sẵn ở cả nóc và đáy tủ với thiết kế thuận tiện và thẩm mỹ. Đặc biệt là các tấm che ở đáy tủ có thể trượt lên nhau, giúp dễ dàng tùy chỉnh kích thước lỗ cáp theo nhu cầu thực tế.
- Nóc tủ được thiết kế sẵn các lỗ xuống cáp thuận tiện cho việc lắp đặt và quản lý cáp. Mặc định, nóc tủ được trang bị sẵn hai quạt hút tạo luồng khí định hướng giúp các thiết bị tản nhiệt tốt hơn.
- Đối với tủ ngang 800 mm, hông tủ được thiết kế thêm không gian để tổ chức cáp mật độ cao hoặc lắp thêm thiết bị khi cần. Đặc biệt là khả năng tùy chỉnh kích thước khung treo thiết bị của tủ để tương thích với các thiết bị có kích thước 19", 21", 23" hoặc 24".
- Bánh xe được thiết kế thấp, bề mặt rộng, giúp di chuyển êm ái và chịu tải cao. Chân đế vặn được tích hợp sẵn dùng để cố định cân chỉnh tủ.
- Tải trọng di chuyển trên bánh xe ngang bằng tải trọng tĩnh, giúp dễ dàng dời tủ để lắp đặt, bảo dưỡng mà không cần phải tháo bớt thiết bị trong tủ.
- Dây tiếp đất nối toàn bộ khung tủ với các cửa trước và cửa sau.

Kết cấu modular-grid kết nối đa điểm | Tải trọng 1.400 kg | Cửa lưới thông thoáng 72% | Đơn vị (U) in số và dập dấu mép

Toàn bộ cửa có khóa dùng chung chìa | Cửa vòm mỹ thuật | Thanh treo thiết bị di chuyển được | Nóc tủ được trang bị sẵn quạt

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM CHO PHÒNG THIẾT BỊ NHỎ

Khung tủ với thiết kế vững chắc, chân đế tải trọng cao cùng hệ thống cửa lưới trước sau bảo đảm các thiết bị được bảo vệ và hoạt động với hiệu quả tối ưu.

Dãy sản phẩm rộng với đầy đủ các tùy chọn về chiều cao, chiều ngang và chiều sâu tủ giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn được sản phẩm phù hợp nhất với nhu cầu của mình. Hệ thống phụ kiện lắp đặt đa dạng về chủng loại và kích thước giúp cho việc lắp đặt và tổ chức hệ thống dễ dàng hơn bao giờ hết.

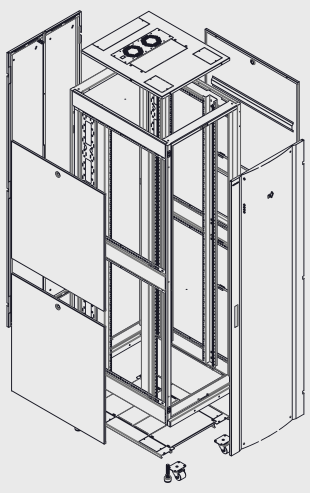

TỦ NGANG 600MM

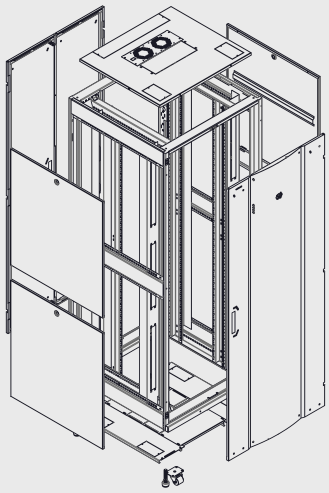

TỦ NGANG 800MM

THÔNG TIN KỸ THUẬT

Tủ chứa máy chủ V-Series được sản xuất theo tiêu chuẩn rack 19-inch mới nhất hiện hành của Hoa Kỳ EIA-310-E (tên khác là ECIA-310-E), tương thích hoàn toàn với các tiêu chuẩn phổ biến ở các khu vực khác như IEC-60297-3-100 hoặc DIN 41494. Kích thước tủ, khoảng cách giữa các thanh treo thiết bị, kích thước và khoảng cách giữa các lỗ treo thiết bị đều được chuẩn hóa, bảo đảm tương thích hoàn toàn với các thiết bị treo rack chuẩn 19-inch.

KÍCH THƯỚC

- Chiều cao: 15U đến 48U.
- Chiều rộng: 600 và 800 (mm).
- Chiều sâu: 600 đến 1200 (mm).

MÀU SƠN

- Màu mặc định: Đen (RAL 9005).
- Màu tùy chọn khác: Xám trắng (RAL 7035)*.

VẬT LIỆU

Thép tấm cán nguội SPCC

- Khung tủ: 2,0 mm.
- Thanh treo thiết bị: 2,0 mm.
- Các bộ phận khác: 1,0 đến 2,0 mm.

KÍCH THƯỚC ĐƠN VỊ (U) THEO EIA-310-E

- Chiều cao 1U: 44,5 mm (1,75").
- Chiều rộng: 483,4 mm (19"), Lên đến 610,4 mm (24") cho tủ ngang 800 mm.

TẢI TRỌNG

- Cố định trên chân đế: 1.400 Kg.
- Di chuyển trên bánh xe: 1.400 Kg

TIÊU CHUẨN

- EIA-310-E (ECIA-310-E), Type A.
- DIN 41494.
- BS5954 Part 2.
- IEC 60297-1, IEC 60297-2.

CỬA TỦ

- Cửa trước: nguyên cánh dạng lưới mặt cong hình vòm.
- Cửa sau: Hai cánh dạng lưới mặt phẳng.
- Kiểu đột lỗ tạo lưới: Lỗ lục giác lệch tâm 60°, độ thông thoáng 72%.
- Khóa cửa trước và cửa sau: Ổ khóa tay nắm phẳng.
- Khóa cửa hông: Ổ khóa tròn, các khóa sử dụng chung một chìa.

NÓC VÀ ĐÁY TỦ

- Nóc tủ được thiết kế sẵn các lỗ xuống cáp, trang bị sẵn hai quạt tản nhiệt 230 V, 50 Hz, 300 CFM.
- Đáy tủ có bánh xe và chân đế, được bố trí sẵn các lỗ lên cáp, và tùy chọn gắn thêm quạt để tạo luồng khí định hướng mạnh hơn.
- Kích thước lỗ cáp: 96 x 148 mm; 380 x 96 mm; 548 x 96 mm (tủ ngang 800 mm)
- Kích thước khung quạt: 346 x 134 mm.

KHÔNG GIAN SỬ DỤNG

- Khoảng cách di chuyển tối đa giữa hai thanh treo thiết bị: 1.065 mm (tủ sâu 1.200 mm)
- Độ mở tối đa của cửa: 180°

**Thông tin yêu cầu khi đặt hàng*

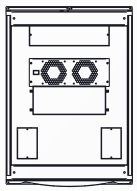

NÓC TỦ

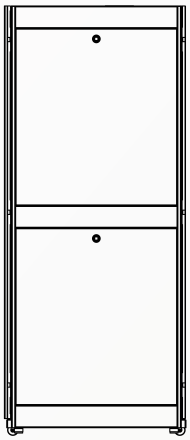

MẶT HÔNG

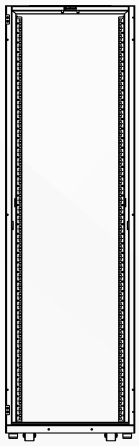

MẶT TRƯỚC (KHÔNG CỬA)

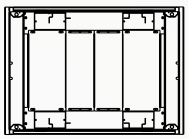

MẶT CẮT ĐÁY TỦ A-A

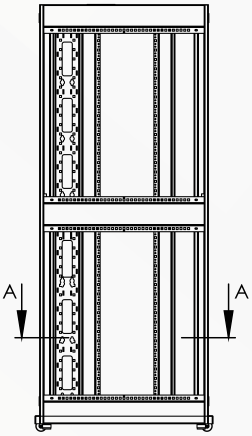

MẶT HÔNG (KHÔNG CỬA)

THÔNG TIN ĐẶT HÀNG & KÍCH THƯỚC

	CHIỀU SÂU (mm)			15U	20U	27U	36U	42U	45U	46U	48U
	KHUNG (D)	TỔNG (S)	KHẢ DỤNG (U)								
TỦ NGANG 600mm	600	655	471	VRV15-660	VRV20-660	VRV27-660	VRV36-660	VRV42-660	VRV45-660	VRV46-660	VRV48-660
	800	855	669	VRV15-680	VRV20-680	VRV27-680	VRV36-680	VRV42-680	VRV45-680	VRV46-680	VRV48-680
	1.000	1.055	867	VRV15-6100	VRV20-6100	VRV27-6100	VRV36-6100	VRV42-6100	VRV45-6100	VRV46-6100	VRV48-6100
	1.100	1.155	957	VRV15-6110	VRV20-6110	VRV27-6110	VRV36-6110	VRV42-6110	VRV45-6110	VRV46-6110	VRV48-6110
	1.200	1.255	1.065	VRV15-6120	VRV20-6120	VRV27-6120	VRV36-6120	VRV42-6120	VRV45-6120	VRV46-6120	VRV48-6120
TỦ NGANG 800mm	600	655	471	VRV15-860	VRV20-860	VRV27-860	VRV36-860	VRV42-860	VRV45-860	VRV46-860	VRV48-860
	800	855	669	VRV15-880	VRV20-880	VRV27-880	VRV36-880	VRV42-880	VRV45-880	VRV46-880	VRV48-880
	1.000	1.055	867	VRV15-8100	VRV20-8100	VRV27-8100	VRV36-8100	VRV42-8100	VRV45-8100	VRV46-8100	VRV48-8100
	1.100	1.155	957	VRV15-8110	VRV20-8110	VRV27-8110	VRV36-8110	VRV42-8110	VRV45-8110	VRV46-8110	VRV48-8110
	1.200	1.255	1.065	VRV15-8120	VRV20-8120	VRV27-8120	VRV36-8120	VRV42-8120	VRV45-8120	VRV46-8120	VRV48-8120
	CHIỀU CAO KHUNG (mm)			786	1.008	1.320	1.720	1.986	2.120	2.164	2.253
	CHIỀU CAO TỔNG (mm)			822	1.044	1.356	1.756	2.022	2.155	2.200	2.289

**Thông số có thể thay đổi mà không cần thông báo trước*